

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Vinh năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã về việc ban hành mục tiêu chất lượng năm 2022 Ủy ban nhân dân xã Quảng Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND xã về việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Vinh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 215/KH-UBND ngày 10 tháng 08 năm 2022 của UBND xã về việc ban hành Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại xã Quảng Vinh;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống Quản lý chất lượng tại UBND xã Quảng Vinh phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn và một số TTHC được thay thế và bổ sung đối với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, BCD ISO.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Thành Tâm

Phụ lục
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG VINH
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 237/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 10 năm 2022
của Chủ tịch UBND xã Quảng Vinh)

TT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ SỐ	
I	Tài liệu chung		
1	Sổ tay chất lượng	STCL	
2	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-ISO-01	
3	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-ISO-02	
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ISO-03	
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-ISO-04	
6	Quy trình hành động khắc phục	QT-ISO-05	
7	Quy trình hành động phòng ngừa	QT-ISO-06	
8	Quy trình quản lí rủi ro	QT-ISO-07	
II	Các quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã		
II.1	Lĩnh vực thi đua khen thưởng (04 QT)	04 TT	
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	1	QT-TĐKT-01
2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	2	QT-TĐKT-02
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	3	QT-TĐKT-03
4	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	4	QT-TĐKT-04
II.2	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (9 QT)	10 TT	
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	1	QT-TG-01
	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	2	
2	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	3	QT-TG-02

3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	4	QT-TG-03
4	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	5	QT-TG-04
5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	6	QT-TG-05
6	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	7	QT-TG-06
7	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	8	QT-TG-07
8	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	9	QT-TG-08
9	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	10	QT-TG-09
II.3	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội - Bảo trợ xã hội cấp huyện (16 QT)	16	TT
1	Thủ tục “Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật”	1	QT-BTXH-01
2	Thủ tục “Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật”	2	QT-BTXH-02
3	Thủ tục “Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở”	3	QT-BTXH-03
4	Thủ tục “Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng phí”	4	QT-BTXH-04
5	Thủ tục “Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế”	5	QT-BTXH-05
6	Thủ tục “Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm”	6	QT-BTXH-06
7	Thủ tục “Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm”	7	QT-BTXH-07
8	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	8	QT-BTXH-08
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	9	QT-BTXH-09
10	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh	10	QT-BTXH-

	đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		10
11	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	11	QT-BTXH-11
12	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	12	QT-BTXH-12
13	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	13	QT-BTXH-13
14	Hỗ trợ chi phí mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	14	QT-BTXH-14
15	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	15	QT-BTXH-15
16	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp ban đầu cho nạn nhân	16	QT-BTXH-16
II.4	Lĩnh vực Bảo vệ và chăm sóc trẻ em (06 QT)	6 TT	
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1	QT-BVCSTE-01
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2	QT-BVCSTE-02
3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3	QT-BVCSTE-03
4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	4	QT-BVCSTE-04
5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	5	QT-BVCSTE-05
6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	6	QT-BVCSTE-06
II.5	Lĩnh vực Người có công - Người có công cấp huyện (23 QT)	23 TT	

1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	1	QT-NCC-01
2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	2	QT-NCC-02
3	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	3	QT-NCC-03
4	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	4	QT-NCC-04
5	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	5	QT-NCC-05
6	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	6	QT-NCC-06
7	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	7	QT-NCC-07
8	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	8	QT-NCC-08
9	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	9	QT-NCC-09
10	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	10	QT-NCC-10
11	Giải quyết chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	11	QT-NCC-11
12	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	12	QT-NCC-12
13	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	13	QT-NCC-13
14	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	14	QT-NCC-14
15	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15	QT-NCC-15
16	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	16	QT-NCC-16
17	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	17	QT-NCC-17
18	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc	18	QT-NCC-18

	hóa học		
19	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đối với người có công với cách mạng và con của họ	19	QT-NCC-19
20	Bổ sung tình hình thân nhân liệt sĩ	20	QT-NCC-20
21	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	21	QT-NCC-21
22	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	22	QT-NCC-22
23	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia.	23	QT-NCC-23
II.6	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (01 QT)	03 TT	
1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1	QT-PCTNXH-01
	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	2	
	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	3	
II.7	Lĩnh vực Y tế (01 QT)	01 TT	
1	Xét hưởng hỗ trợ chính sách cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1	QT-YT-01
II.8	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (05 QT)	05 TT	
1	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1	QT-GDĐT-01
2	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	2	QT-GDĐT-02
3	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	3	QT-GDĐT-03
4	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	4	QT-GDĐT-04
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	5	QT-GDĐT-05
II.9	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao (07 QT)	07 TT	

1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1	QT-VH-TT-01
2	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	2	QT-VH-TT-02
3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	3	QT-VH-TT-03
4	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	4	QT-VH-TT-04
5	Xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	5	QT-VH-TT-05
6	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	6	QT-VH-TT-06
6	Thông báo tổ chức lễ hội	7	QT-VH-TT-07
II.10	Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 QT)	02 TT	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	1	QT-QLATĐ-01
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2	QT-QLATĐ-02
II.11	Lĩnh vực Môi trường (03 QT)	03 TT	
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1	QT-MT-01
2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	2	QT-MT-02
3	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	3	QT-MT-03
II.12	Lĩnh vực Hộ Tịch (22 QT)	23 TT	
1	Đăng ký khai sinh	1	QT-HT-01
2	Đăng ký kết hôn	2	QT-HT-02
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	3	QT-HT-03
	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	4	
4	Đăng ký khai tử	5	QT-HT-04
5	Đăng ký giám hộ	6	QT-HT-05

6	Đăng ký khai sinh lưu động	7	QT-HT-06
7	Đăng ký khai tử lưu động	8	QT-HT-07
8	Đăng ký kết hôn lưu động	9	QT-HT-08
9	Đăng ký chấm dứt giám hộ	10	QT-HT-09
10	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	11	QT-HT-10
11	Đăng ký cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	12	QT-HT-11
12	Đăng ký lại khai sinh	13	QT-HT-12
13	Đăng ký lại kết hôn	14	QT-HT-13
14	Đăng ký lại khai tử	15	QT-HT-14
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	15	QT-HT-15
16	Đăng ký cấp bản sao trích lục hộ tịch	17	QT-HT-16
17	Quy trình liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	18	QT-HT-17
18	Quy trình liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	19	QT-HT-18
19	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	20	QT-HT-19
20	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	21	QT-HT-20
21	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	22	QT-HT-21
22	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	23	QT-HT-22
II.13	Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 QT)	03 TT	
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1	QT-NCN-01
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2	QT-NCN-02
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em làm con nuôi.	3	QT-NCN-03
II.14	Lĩnh vực Chứng thực (09 QT)	11 TT	
1	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.	1	QT-CT-01

2	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2	QT-CT-02
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	3	QT-CT-03
4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	4	QT-CT-04
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	5	
6	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	6	
7	Thủ tục chứng thực di chúc	7	QT-CT-05
8	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	8	QT-CT-06
9	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	9	QT-CT-07
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	10	QT-CT-08
11	Chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	11	QT-CT-09
II.15	Lĩnh vực Phổ biến, GDPL (02 QT)	02 TT	
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	1	QT-PBGDPL-01
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2	QT-PBGDPL-02
II.16	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 QT)	04 TT	
1	Bầu hòa giải viên	1	QT-PBGDPL-01
2	Bầu tổ trưởng tổ hòa giải	2	QT-PBGDPL-02
3	Cho thôi làm hòa giải viên	3	QT-PBGDPL-03
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	4	QT-PBGDPL-04

II.17	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 QT)	01 TT	
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	1	QT-BTNN-01
II.18	Lĩnh vực Đất đai - Đất đai cấp huyện (20 QT)	20 TT	
1	Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã	1	QT-ĐĐ-01
2	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2	QT-ĐĐ-02
3	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	QT-ĐĐ-03
4	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	4	QT-ĐĐ-04
5	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	5	QT-ĐĐ-05
6	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thừa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	6	QT-ĐĐ-06
7	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	7	QT-ĐĐ-07
8	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	8	QT-ĐĐ-08
9	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	9	QT-ĐĐ-09
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	10	QT-ĐĐ-10
11	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	11	QT-ĐĐ-11
12	Thủ tục Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	12	QT-ĐĐ-12
13	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử	13	QT-ĐĐ-13

	dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
14	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	14	QT-ĐĐ-14
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở.	15	QT-ĐĐ-15
16	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	16	QT-ĐĐ-16
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	17	QT-ĐĐ-17
18	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	18	QT-ĐĐ-18
19	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	19	QT-ĐĐ-19
20	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất	20	QT-ĐĐ-20
II.19	Lĩnh vực Kinh tế tập thể - HTX (03 QT)	03	

		TT	
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2	QT-KTTT-HTX-01
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	4	QT-KTTT-HTX-02
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	5	QT-KTTT-HTX-03
II.20	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (01 QT)	01 TT	
1	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	1	QT-QHXD-01
II.21	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 QT)	02 TT	
1	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.	1	QT-DQTV-01
2	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	2	QT-DQTV-02
II.22	Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự (08 QT)	08 TT	
1	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	1	QT-NVQS-01
2	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	2	QT-NVQS-02
3	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	3	QT-NVQS-03
4	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	4	QT-NVQS-04
5	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	5	QT-NVQS-05
6	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	6	QT-NVQS-06
7	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	7	QT-NVQS-07
8	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	8	QT-NVQS-08
II.23	Lĩnh vực Bảo hiểm Xã hội (01 QT)	01 TT	
1	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ.	1	QT-BHXX-01
II.24	Lĩnh vực Chính sách (01 QT)	01 TT	

1	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	1	QT-CS-01
II.25	Lĩnh vực Thủy lợi (03 QT)	03 TT	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	1	QT-TL-01
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	2	QT-TL-02
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	3	QT-TL-03
II.25	Lĩnh vực Khuyến nông (01 QT)	01 TT	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1	QT-KN-01
II.26	Lĩnh vực Khiếu nại-Tổ cáo (04 QT)	04 TT	
1	Thủ tục tiếp công dân	1	QT-NTTC-01
2	Xử lý đơn thư	2	QT-NTTC-02
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu	3	QT-NTTC-03
4	Giải quyết tổ cáo	4	QT-NTTC-04
156 Quy trình	TỔNG CỘNG	168 Th ủ tục	

